

Số: 30/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Mô, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mai Thị L và anh Mai Văn T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Mai Việt H, sinh ngày 02/6/2022 cho chị Mai Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi. Anh Mai Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Hoàng thành niên đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày chị Mai Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, anh Mai Văn T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị L và anh Mai Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Mai Thị L nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng số tiền án phí chị L phải nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001937 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoa